

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015



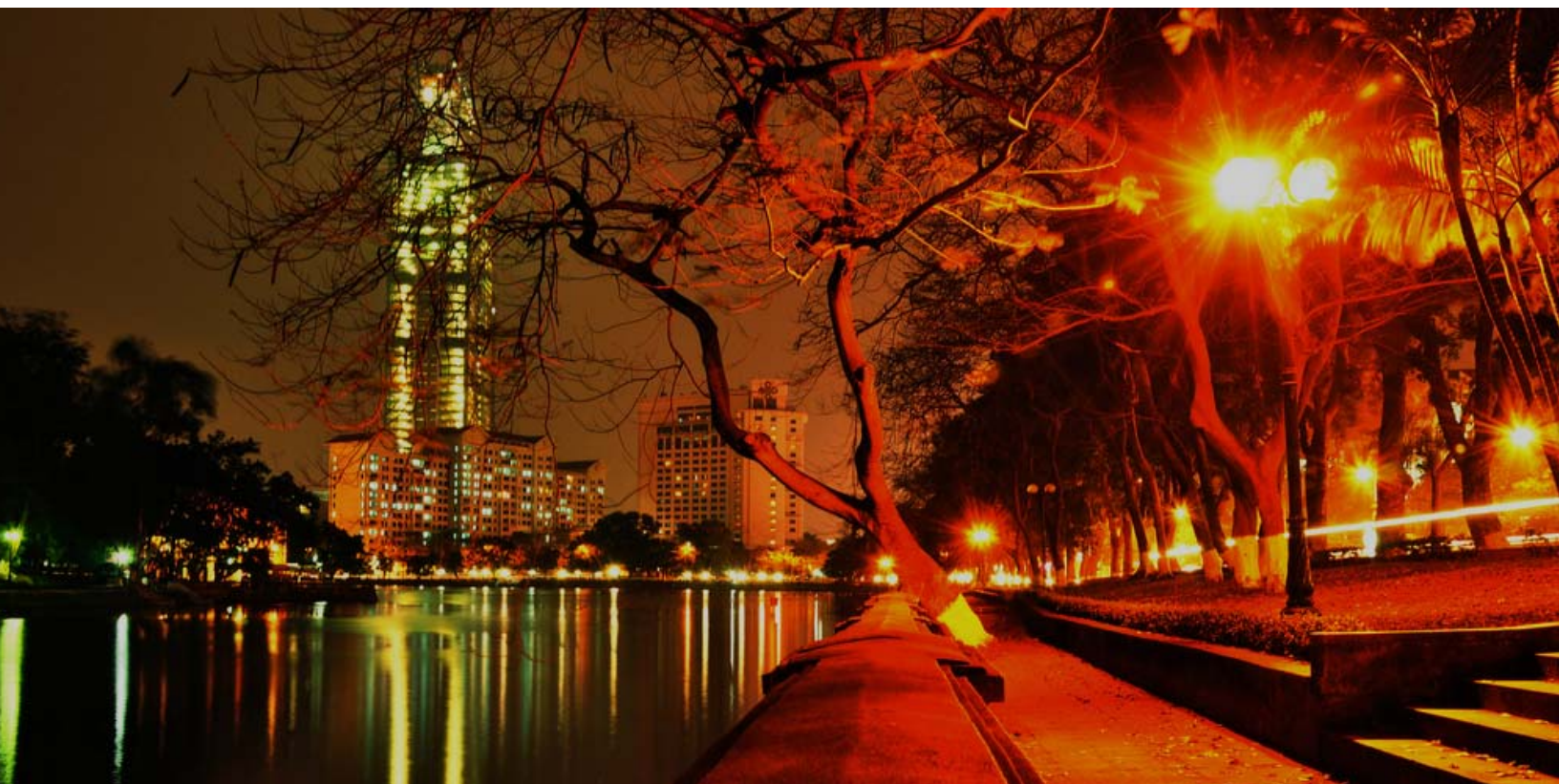
Giá trị

ĐẾN VỚI CÔNG ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 33 552070 - Fax: (84-4) 33515843



SỨ MẠNG

Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông luôn hướng đến phục vụ vì lợi ích của cộng đồng, nâng cao mỹ quan đô thị.

“Vì một môi trường Xanh – Sạch – Đẹp”

TẦM NHÌN

Trở thành nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu, trở thành chỗ dựa tin tưởng cho người dân đô thị.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông kết nối lợi ích cộng đồng với lợi ích của các Cổ đông và Nhà đầu tư; luôn coi trọng, lắng nghe và xem lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông là lợi ích của chính mình.

Đoàn kết, đổi mới, vượt qua thách thức và gặt hái thành công.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên công ty : Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông

Tên tiếng Anh : Ha Dong Environment Public Service Joint Stock Company

Vốn điều lệ (31/12/2015) : 26.599.500.000 đồng

Vốn điều lệ (13/01/2016) : 47.879.100.000 đồng

Trụ sở chính : Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội

Số điện thoại : (84-4) 33 552070

Số fax : (84-4) 33 515843

Website : moitruongdothi.com.vn

Mã chứng khoán: MTH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500332500



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Trước năm 1986, công tác đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn thị xã Hà Đông được giao cho Đội vệ sinh quản lý.

Ngày 29/7/1986, UBND thị xã Hà Đông có Quyết định số 148/QĐ-UB thành lập công ty Công viên dịch vụ công cộng thị xã Hà Đông trên cơ sở sáp nhập Đội vệ sinh với một bộ phận của Phòng quản lý nhà đất và sau đó là Phòng giao thông thị xã. Công ty hoạt động với chức năng chủ yếu là: Thu gom xử lý rác thải, thu gom phân, rác. Đây chính là tiền thân của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông.

Đến tháng 6 năm 2007, UBND tỉnh Hà Đông có quyết định 976/QĐ-UBND phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường đô thị Hà Đông thành công ty cổ phần và chính thức hoạt động theo quy định tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000840 do Sở kế hoạch và đầu tư Hà Đông cấp.

Năm 2010, Công ty thực hiện đăng ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Cho đến ngày 31/12/2015, vốn điều lệ của Công ty là 26.599.500.000 đồng.

Cuối năm 2015, Công ty tiến hành bán 2.127.960 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng tổng vốn điều lệ lên 47.879.100.000 đồng, hoàn tất vào ngày 13/01/2016.





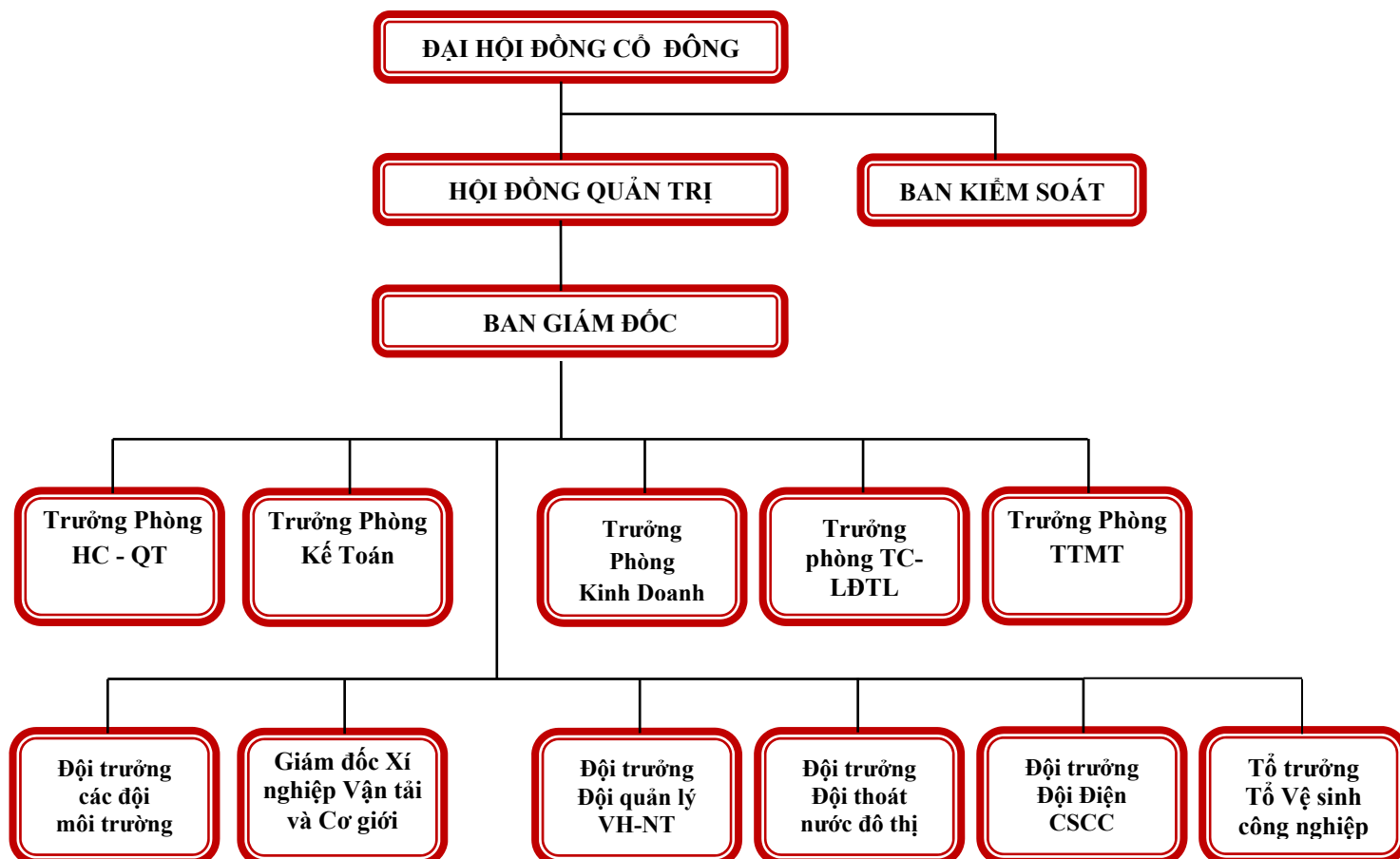
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Thu gom, vận chuyển,
xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo
vệ sinh môi trường.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Khu vực quận Hà Đông và các khu vực lân cận

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

1.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội cổ đông có các quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty, thông qua các nội dung hợp đồng thường niên hàng năm; thông qua tổ chức lại và giải thể Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

1.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra

1.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm ba (03) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ.

1.4. Ban giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

1.5. Các phòng ban chức năng

Phòng Hành chính quản trị

Là phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về công tác hành chính - quản trị của công ty. Nhiệm vụ của phòng Hành chính quản trị gồm:

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định về công tác quản lý hành chính, công tác văn thư, lưu trữ;
- Quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Công ty;
- Thực hiện công tác lễ tân của Công ty;
- Quản lý phòng họp;
- Thực hiện in ấn, sao chụp văn bản, tài liệu... phục vụ cho các hoạt động của Công ty.
- Quản lý và chuyển các văn bản đi, đến kịp thời.;
- Quản lý công tác bảo vệ, Bảo quản tài sản của văn phòng Công ty và tạp vụ.

Phòng Kế toán

Là phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về công tác tài chính kế toán. Nhiệm vụ của phòng kế toán gồm:

- Phòng kế toán có chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc hạch toán kế toán đầy đủ mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh trong toàn công ty theo đúng pháp luật về kế toán;
- Tham mưu cho Giám đốc công ty huy động các nguồn tài chính phục vụ cho sản xuất – kinh doanh của công ty;
- Lập báo cáo với các cơ quan chuyên quản về kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của toàn công ty để Giám đốc ký duyệt;
- Giao dịch với các ngân hàng tài chính, các cơ quan thuế vụ và các cơ quan hữu quan nhà nước để tham mưu cho Giám đốc công ty giải quyết các công việc có liên quan;
- Giữ gìn nguyên tắc bí mật về tài chính, tài liệu kế toán của công ty.

Phòng Kinh doanh

Là phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về công tác phát triển thị trường. Nhiệm vụ của phòng kinh doanh gồm:

- Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, chiến lược phát triển ngành có liên quan để định hướng hoạt động và kế hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh trước mắt và lâu dài của Công ty;
- Tìm hiểu, quan hệ với các đối tác và tiếp cận thị trường để kiến tạo việc làm và thương thảo hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các đối tác;
- Lập hồ sơ, phương án đặt hàng hàng năm và nghiệm thu khối lượng với chủ đầu tư;
- Tổng hợp, cân đối, lập kế hoạch hàng tháng, quý, 6 tháng, năm và kế hoạch dài hạn về sản xuất, kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Công ty, trình Giám đốc duyệt và bảo vệ kế hoạch trước cấp trên xét duyệt. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện theo kế hoạch được giao hoặc các công việc đột xuất khi Công ty yêu cầu.

Phòng Tổ chức - lao động tiền lương

Là phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về công tác tổ chức lao động tiền lương gồm:

- Nghiên cứu chế độ, chính sách, các quy định pháp luật về người lao động;
- Tham mưu các quyết định về bộ máy tổ chức, nhân sự và sử dụng lao động trong công ty;
- Tham mưu giúp Giám đốc công ty các nội dung về Hợp đồng lao động, quản lý lao động, xây dựng định mức lao động tiền lương;
- Tổ chức thực hiện chế độ thi đua, khen thưởng, kỷ luật, nâng lương, bảo hiểm xã hội;
- Xây dựng quy chế trả lương cho người lao động;
- Quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên, sổ Bảo hiểm xã hội.

Phòng thanh tra môi trường

Theo dõi, kiểm tra, giám sát các bộ phận sản xuất trực tiếp thực hiện tốt các quy định của công ty trong quá trình tổ chức sản xuất từ thời gian đến chất lượng.

Tuyên truyền vận động nhân dân, cơ quan đơn vị chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn Quận Hà Đông.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LAO ĐỘNG

Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông có tổng số ... lao động, tăng ...% so với năm 2014.

Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/12/2015 như sau:

TT	Nội dung	Số người
1	Trình độ đại học	101
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp	145
3	Lao động có tay nghề + Lao động phổ thông	685
	Tổng cộng	931

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Xây dựng nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng được quá trình phát triển kinh doanh là mục tiêu quan trọng của Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông. Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, với tinh thần làm việc tận tâm với công việc, có ý thức tự đào tạo, có khả năng kết hợp với các đồng nghiệp để tạo ra giá trị cho Công ty. Công ty tiếp tục tuyển dụng thu hút thêm nhân lực từ bên ngoài có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu đề ra.

Chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi của Công ty gắn liền với kết quả kinh doanh, chuyên môn và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên, song vẫn luôn đảm bảo thu nhập của CBNV có tính cạnh tranh đối với các đơn vị cùng ngành nghề. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ theo Luật lao động như Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, bảo hiểm tai nạn con người,... thực hiện chế độ khen thưởng nhân dịp các ngày lễ, Tết tùy theo kết quả kinh doanh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông DINH VĂN TIỀN

Chức vụ:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giám đốc
- Bí thư Đảng ủy Công ty

Ngày sinh: 24/03/1957

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Khố Đoàn Kết, P. Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Số cp nắm giữ: 12.135 cp

Tỷ lệ cp nắm giữ: 0.45%

Ông BUI ĐÌNH MANH

Chức vụ:

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Phó giám đốc
- Bí thư chi bộ văn phòng

Ngày sinh: 04/04/1959

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 159 Lý Thường Kiệt, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.

Số cp nắm giữ: 23.056 cp

Tỷ lệ cp nắm giữ: 0.87%

Bà VŨ THI MAI

Chức vụ:

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Phó giám đốc
- Chủ tịch công đoàn

Ngày sinh: 05/10/1969

Quê quán: Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Cử nhân Xây dựng Đảng và Quản lý nhà nước.

Số cp nắm giữ: 20.799 cp

Tỷ lệ cp nắm giữ: 0.78%

Ông PHAM TRUNG THÀNH

Chức vụ:

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Kế toán trưởng

Ngày sinh: 07/03/1974

Quê quán: Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 5B Khu tập thể xe khách phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.

Số cp nắm giữ: 14.295 cp

Tỷ lệ cp nắm giữ: 0,54%

Ông NGUYỄN VIỆT BÌNH

Chức vụ:

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Phó giám đốc
- Phó Bí thư Đảng ủy Công ty

Ngày sinh: 05/2/1965

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 108H, Khối 1, P. Nguyễn Trãi, Q. Hà Đông, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số cp nắm giữ: 8.403

Tỷ lệ cp nắm giữ: 0.32%

Bà LÊ THỊ MINH HUƠNG

Chức vụ:

- Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 08/1963

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tân Đà, Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cp nắm giữ: 10.857 cp

Tỷ lệ cp nắm giữ: 0.41%

Bà NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ

Chức vụ:

- Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 27/07/1963

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Nguyễn Thượng Hiền, Yên Kiêu, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Số cp nắm giữ: 5.695 cp

Tỷ lệ cp nắm giữ: 0.21%

BAN GIÁM ĐỐC

Ông ĐINH VĂN TIẾN

Chức vụ:

- Giám đốc

Ông BÙI ĐÌNH MẠNH

Chức vụ:

- Phó giám đốc

Bà VŨ THI MAI

Chức vụ:

- Phó giám đốc

Ông NGUYỄN VIỆT

BÍNH

Chức vụ:

- Phó giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Bà LÊ THỊ BÍCH HỒNG

Chức vụ:

- Trưởng BKS

Ngày sinh: 12/9/1978

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 3, Ngõ 10, phố
Tản Đà, P. Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà
Nội

Số cp nắm giữ: 684 cổ phần

Tỷ lệ cp nắm giữ: 0,03%

Bà TRẦN THỊ HANH

Chức vụ:

- Thành viên BKS

Ngày sinh: 12/9/1978

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Khu Hà Trì, P. Hà
Cầu, Hà Đông, Hà Nội

Số cp nắm giữ: 3.186 cổ phần

Tỷ lệ cp nắm giữ: 0,12%

Ông LÊ VĂN PHONG

Chức vụ:

- Thành viên BKS

Ngày sinh: 12/9/1978

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố số
4, Phường La Khê, Hà Đông, Hà
Nội

Số cp nắm giữ: 4.629 cổ phần

Tỷ lệ cp nắm giữ: 0,17%

MỤC TIÊU & CHIẾN LƯỢC

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Ổn định SXKD, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn.
- Khai thác và sử dụng có hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị hiện có, đầu tư trang bị thêm cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng yêu cầu SXKD đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh theo yêu cầu của các chủ hàng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Ổn định và mở rộng ngành nghề kinh doanh nhưng có chọn lọc giữ vững phát huy thế mạnh truyền thống của công ty là dịch vụ vệ sinh môi trường và xử lý rác thải, tìm kiếm và phát triển các dự án mới.
- Bảo đảm tốt lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cổ đông và đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người lao động.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI – CỘNG ĐỒNG

- Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, giữ vững thương hiệu, đảm bảo mỹ quan đô thị, môi trường Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp trên tất các địa bàn mà công ty phục vụ.

CÁC RỦI RO CHÍNH

RỦI RO KINH TẾ

Cạnh tranh từ khu vực: Công ty vẫn đang đối mặt với sự cạnh tranh lớn với các doanh nghiệp môi trường quanh khu vực trong bối cảnh quận Hà Đông đã sáp nhập vào Hà Nội

Cạnh tranh từ quốc tế: Hiệp định TPP ký kết hợp tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và quốc tế trong thời gian tới tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài thâm nhập vào thị trường Việt Nam. Ngành môi trường tuy có thể bị ảnh hưởng ít hơn nhưng cũng không bị ngoại trừ khỏi rủi ro này.

RỦI RO LUẬT PHÁP

Hiện nay các chính sách hỗ trợ ngành môi trường tập trung chủ yếu ưu đãi các công ty xử lý chất thải như miễn giảm thuế TNDN (Nghị định 218/2013/NĐ-CP), hỗ trợ vốn đầu tư (04/2009/NĐ-CP) hay miễn giảm thuế đất (59/2014/NĐ-CP). Đối với các doanh nghiệp thu gom rác thải thì không được hưởng lợi từ những chính sách này.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Về chi phí nhân công:

Theo Nghị định 122/2015/NĐ-CP, từ 1/5/2016, lương tối thiểu được tăng lên hơn so với hiện nay từ 250.000 – 400.000 đồng/tháng. Điều này tương ứng với một mức tăng về chi phí nhân công, gây rủi ro lớn cho lợi nhuận của doanh nghiệp.

Rủi ro tràn kín khu chôn lấp và xử lý rác thải :

Với tình hình phát triển đô thị và khu công nghiệp như hiện nay, sẽ có lúc chúng ta không còn đủ diện tích để xử lý và chôn lấp rác thải. Đặc biệt với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông nằm ngay tại cửa ngõ của Thủ đô. Công ty cũng đang cố gắng tìm giải pháp để giải quyết vấn đề này trong tương lai, phù hợp với định hướng phát triển của thành phố.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CHUNG (tại ngày 14/01/2016):

- Vốn điều lệ	: 47.879.100.000 đồng
- Tổng số cổ phần	: 4.787.910 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành	: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 4.787.910 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tại ngày 14/01/2016):

Danh mục	Giá trị (nghìn đồng)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn chủ sở hữu:	47.879.100	4.787.910	100,00
- Cổ đông trong nước:	44.589.060	4.458.906	93,13
+ Cổ đông nhà nước:	12.209.920	1.220.992	25,5
+ Cổ đông khác:	32.379.140	3.237.914	67,63
- Cổ đông nước ngoài:	3.290.040	329.004	6,87
Chi tiết:			
- Cổ đông sáng lập:	0	0	0
- Cổ đông lớn:	25.007.300	2.500.730	52,23
- Cổ đông nắm giữ dưới 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	22.871.800	2.287.180	47,77

Trong đó UBND Thành phố Hà Nội đại diện cho phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty.

Danh sách và tỉ lệ sở hữu của các cổ đông lớn:

Họ và Tên	Số CMND	Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
UBND thành phố Hà Nội			185, Phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội	1.220.992	25,5
Nguyễn Thế Thành	010442637	21/08/2009	P112-C4-Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	776.999	16,23
Nguyễn Hoài Nam	111658425	18/07/2005	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	502.739	10,5
Tổng cộng				2.500.730	52,23

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm so với 2014
Doanh thu thuần	Triệu đồng	171.773	224.329	30,60%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	27.106	31.000	14,37%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	17.718	20.020	13,00%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	13.495	15.616	15,72%

Tình hình kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Cụ thể năm 2015, doanh thu thuần đạt 224.328 triệu đồng, tăng 30,6% so với năm 2014. Tuy nhiên lợi nhuận gộp chỉ tăng 14,37% do giá vốn tăng mạnh. Năm 2015, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 15.616 triệu đồng, tăng 15,72% so với năm 2014.

- Cơ cấu doanh thu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm so với 2014
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	171.773	224.329	30,60%
Doanh thu tài chính	Triệu đồng	393	219	44,27%
Thu nhập khác	Triệu đồng	798	0	/
Tổng doanh thu	Triệu đồng	172.964	224.548	29,82%

- Cơ cấu chi phí

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm so với 2014 (%)
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	144.667	193.329	33,64%
Chi phí tài chính	Triệu đồng	0	34	/
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	1.814	676	-62,73%
Chi phí quản lý	Triệu đồng	6.502	10.488	61,30%
Chi phí khác	Triệu đồng	2.263	0	-100,00%
Tổng chi phí	Triệu đồng	155.246	204.527	31,74%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Thực hiện so với KH	Thực hiện so với 2014
Tổng doanh thu	Triệu đồng	172.964	200.000	224.548	112,27%	129,82%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu đồng	19.183	20.000	20.020	100,1%	114,37%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	17.717	18.000	20.020	111,22%	113,00%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	13.495	15.000	15.616	104,1%	115,72%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10%	10% trở lên	/	/	/

- Tình hình tài sản:

TÀI SẢN	31/12/2014 (triệu đồng)	31/12/2015 (triệu đồng)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	82.895	77.306
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	16.021	27.070
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	66.106	44.949
IV. Hàng tồn kho	767	5.287
V. Tài sản ngắn hạn khác	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	40.056	53.811
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II. Tài sản cố định	30.696	49.721
III. Tài sản dở dang dài hạn	6.383	2.745
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	2.978	1.344
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	122.951	131.117

- Tình hình nợ phải trả:

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2014 (triệu đồng)	31/12/2015 (triệu đồng)
A. NỢ PHẢI TRẢ	63.260	62.136
I. Nợ ngắn hạn	63.260	62.136
1. Phải trả cho người bán	17.019	17.159
2. Người mua trả tiền trước	6.216	2.392
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.982	7.574
4. Phải trả người lao động	8.645	6.603
5. Chi phí phải trả	-	3.906
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9.599	13.804
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	8.200	5.500
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.599	5.198
II. Nợ dài hạn	-	-

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,31	1,24
Hệ số thanh toán nhanh:	1,30	1,16
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,51	0,47
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,06	0,90
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho:	201,10	63,86
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,41	1,77
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,86%	6,96%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	27,04%	24,28%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	11,09%	12,29%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	11,17%	8,92%
Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS)	5.763	5.871

Nhận xét:

Các hệ số thanh toán có giảm nhưng giảm không đáng kể và vẫn giữ ở mức cao. Hệ số nợ giảm chứng tỏ Công ty đã tự chủ hơn về mặt tài chính. Vòng quay hàng tồn kho giảm mạnh, tuy nhiên không đáng lo ngại vì đặc thù của công ty là cung cấp dịch vụ môi trường nên hàng tồn kho là không đáng kể. So sánh vòng quay khoản phải thu và phải trả, có thể thấy công ty bị người mua chiếm dụng vốn nhiều hơn so với việc công ty chiếm dụng được vốn từ nhà cung cấp. Các tỷ suất sinh lời đều có sự cải thiện rõ rệt.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty.

MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2016

1. Mục tiêu – Nhiệm vụ cụ thể

- Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 của Công ty dựa vào kết quả thực hiện, tiến hành đánh giá chiến lược giai đoạn 2016 - 2020, làm cơ sở cho công tác triển khai xây dựng chiến lược giai đoạn 2016 - 2020 cho toàn hệ thống Công ty.
- Xây dựng và giao các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016 tới từng đơn vị, bộ phận, các lĩnh vực theo hướng quản lý chặt chẽ theo định mức chi phí, đảm bảo hiệu quả của toàn Công ty được ổn định và bền vững. Tiếp tục củng cố hoạt động kinh doanh chính, chú trọng công tác cơ cấu sắp xếp các đơn vị chưa hiệu quả, phát triển tăng quy mô và địa bàn hoạt động.
- Tiếp tục thanh khoản danh mục đầu tư, cắt giảm tổng tài sản, giảm chi phí vốn, đảm bảo an toàn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả, nâng cao năng lực tài chính toàn hệ thống.
- Thường xuyên rà soát, kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh tại các đơn vị, bộ phận và lĩnh vực, bám sát những diễn biến từ thị trường, kịp thời đưa ra những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Tiếp tục tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chăm lo đội ngũ cán bộ công nhân viên, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty; Hoàn thiện quy chế quản trị, quy chế cán bộ đại diện vốn, hợp đồng trách nhiệm đối với cấp cán bộ quản lý.
- Nâng cao sự gắn kết và phân công chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT với chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận Văn phòng Công ty. Tăng cường công tác PR nội bộ, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận tại Văn phòng Công ty với nhau và với các đơn vị trong hệ thống, để thực hiện tốt nhất những mục tiêu mà Công ty đã đặt ra.

3. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2016

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	KH so với thực hiện 2015 (%)
Doanh thu thuần	Triệu đồng	224.329	180.000	80,2
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	20.020	17.051	85,2
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	15.616	13.300	85,2
Cổ tức	%	5%	5%	100

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã Chỉ đạo các phòng ban xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.
- Phân tích thông tin, đánh giá dự báo xu hướng phát triển các lĩnh vực hoạt động, từ đó hạn chế rủi ro đầu tư trong những năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.
- Tập trung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2010 tới các phòng ban trong toàn hệ thống.
- Tập trung thực hiện lộ trình tăng vốn điều lệ của Công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng. Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành 10 nghị quyết/quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Đinh Văn Tiến	Chủ tịch	10	100%
2	Ông Bùi Đình Mạnh	Ủy viên	10	100%
3	Bà Vũ Thị Mai	Ủy viên	10	100%
4	Ông Phạm Trung Thành	Ủy viên	10	100%
5	Bà Lê Thị Minh Hương	Ủy viên	10	100%
6	Ông Nguyễn Viết Bình	Ủy viên	10	100%
7	Bà Nguyễn Thị Bích Nga	Ủy viên	10	100%
8	Bà Lê Thị Bích Hồng	Trưởng Ban kiểm soát	10	100%

Các nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01	16/01/2015	Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức các hội nghị trong dịp Tết Nguyên đán. Tiếp tục tiến hành đầu tư mua 5.664,4m2 đất ở Biên Giang để làm nhà xưởng. Dự kiến năm 2015 tăng vốn điều lệ bằng phát hành thêm cổ phiếu để mua sắm thêm phương tiện vận tải. Thông qua phương án nâng cấp Đội vận chuyển thành Xí nghiệp vận tải.
2	02	10/04/2015	Chỉ đạo làm hồ sơ đấu thầu 2 gói thầu của Sở và Quận. Mua thêm 2 xe hút bùn, xe cầu để phục vụ SXKD. Gian Ban giám đốc chuẩn bị hội nghị tổng kết năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015. Phân công các thành viên HĐQT, BKS xây dựng các báo cáo phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.
3	03	07/05/2015	Các bộ phận được phân công phục vụ đại hội cổ đông thường niên 2015 thông qua các dự thảo báo cáo.
4	04	22/05/2015	Chỉ đạo, triển khai tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên vào 8h sáng ngày 25/05/2015. Phân công nhiệm vụ 5cụ thể cho các phòng ban, từng cá nhân liên quan đến phục vụ tổ chức đại hội.
5	05	01/07/2015	HĐQT giao BGĐ chỉ đạo mua sắm bảo hộ lao động thực hiện mua sắm BHLĐ cho người lao động.
6	06	14/09/2015	Họp HĐQT thông qua phương án tăng vốn điều lệ, tổng đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng là : 2.127.960 cp.
7	07	16/06/2014	HĐQT giao BGĐ chỉ đạo ban mua sắm bảo hộ lao động thực hiện mua sắm BHLĐ cho người lao động.
8	08	30/09/2015	Họp HĐQT thông qua phương án sử dụng số tiền sau khi tang vốn điều lệ.
9	09	15/11/2015	Họp HĐQT thông qua phương án mua lại khu đất tại Công ty cổ phần Thương mại Song Linh tại Bãi Phụng, phường Biên Giang, quận Hà Đông, Hà Nội.
10	10	25/12/2015	Giao Ban giám đốc chỉ đạo trưởng các phòng ban nghiệp vụ, Đội trưởng các đội sản xuất chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán năm 2016. HĐQT thống nhất bổ nhiệm đ/c Phạm Trung Thành – Kế toán trưởng giữ chức vụ Giám đốc Công ty, đ/c Lê Thị Bích Hồng- Trưởng phòng TC-LDTL giữ chức Kế toán trưởng Công ty từ ngày 01/01/2016.

Giám sát quản lý điều hành

Giám đốc do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm. Trong các cuộc họp HĐQT, với tư cách Giám đốc, Giám đốc đều báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD theo kế hoạch, triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đề xuất các nội dung trình HĐQT xem xét. Các thành viên HĐQT cũng báo cáo phần việc được phân công. Do đó tất cả các hoạt động của Giám đốc được giám sát chặt chẽ để đảm bảo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

Mục tiêu và những giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2016

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Phát huy hơn nữa tính tích cực của bộ máy điều hành, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cá nhân và đơn vị.
- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra giám sát, kiểm soát đảm bảo các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quy định của Pháp luật và các quy chế nội bộ được thực thi trên toàn công ty.
- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc, quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện áp dụng các quy trình, phương thức quản trị khoa học, tinh gọn, đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó giữa người lao động với công ty.
- Tập trung chỉ đạo, giám sát việc quản lý dự án, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, tuân thủ Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGĐ

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Chi tiết thù lao HĐQT:

Chức vụ	Họ tên	Lương/Thù lao
Chủ tịch HĐQT	Ông Đinh Văn Tiến	96.000.000đ
Thành viên HĐQT	Ông Bùi Đình Mạnh	72.000.000 đ
Thành viên HĐQT	Bà Vũ Thị Mai	72.000.000 đ
Thành viên HĐQT	Bà Lê Thị Minh Hương	48.000.000 đ
Thành viên HĐQT	Ông Phạm Trung Thành	72.000.000 đ
Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Viết Bính	72.000.000 đ
Thành viên HĐQT	Bà Nguyễn Thị Bích Nga	48.000.000 đ

Chi tiết thù lao Ban kiểm soát:

Chức vụ	Họ tên	Lương/Thù lao
Trưởng BKS	Bà Lê Thị Bích Hồng	48.000.000 đ
Thành viên BKS	Ông Lê Văn Phong	36.000.000 đ
Thành viên BKS	Bà Trần Thị Hạnh	36.000.000 đ

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Ngày thực hiện	Số cổ phiếu sở hữu trước GD	Số cổ phiếu sở hữu sau GD	Tỷ lệ %	Lý do tăng, giảm
1	Đinh Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT	17/12/2015	12.135	34.677	0,72	Mua
2	Phạm Trung Thành	Kế toán trưởng	17/12/2015	14.295	39.295	0,82	Mua
3	Nguyễn Viết Bính	Phó Giám đốc	15/07/2015	5.403	8.403	0,18	Mua

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015

Trong năm, Ban kiểm soát tiếp tục triển khai các hoạt động kiểm tra định kỳ. Thực hiện kiểm soát báo cáo tài chính: Kiểm tra các báo cáo tài chính quý, báo cáo kiểm toán vốn chủ sở

hữu 6 tháng, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, và báo cáo tài chính năm 2015 về các số liệu tài chính cũng như thời gian hoàn thành việc lập báo cáo.

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi họp với HĐQT, Ban điều hành để cập nhật kịp thời tình hình hoạt động và những vấn đề phát sinh trong quá trình quản trị, điều hành, đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh, kiểm tra, đánh giá các quy trình làm việc của các bộ phận và việc tuân thủ quy trình, đưa ra những ý kiến tham mưu, góp ý. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát cũng được tạo điều kiện thuận lợi trong việc thu thập số liệu, tài liệu, thông tin phục vụ cho công tác kiểm tra.

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (“Công ty”) trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường Đô thị Hà Đông thành Công ty cổ phần. Ngày 04 tháng 09 năm 2007 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thay đổi lần thứ 5 ngày 05 tháng 6 năm 2014, mã số doanh nghiệp số 0500332500.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 05 tháng 6 năm 2014, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty là: Thương mại, Dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 26.599.500.000 đồng. (Hai mươi sáu tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng)

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập Báo cáo tài chính này như sau:

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Đinh Văn Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Bùi Đình Mạnh	Thành viên
Bà Vũ Thị Mai	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Hương	Thành viên
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Viết Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Nga	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Trung Thành	Giám đốc
Ông Bùi Đình Mạnh	Phó Giám đốc
Bà Vũ Thị Mai	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Viết Bình	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; và
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC

PHẠM TRUNG THÀNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Lưu Anh Tuấn

Số giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán: 1026-2014-045-1

Nguyễn Tiến Thành

Số giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán: 1706-2014-045-1

BẢNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		77.306.312.183	82.894.841.377
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	27.070.336.030	16.021.130.380
1	Tiền	111		19.070.336.030	16.021.130.380
2	Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.948.859.675	66.106.181.221
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	34.193.675.575	54.910.642.528
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.830.002.924	9.407.478.473
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	3.243.756.176	2.106.635.220
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(318.575.000)	(318.575.000)
IV	Hàng tồn kho	140		5.287.116.478	767.529.776
1	Hàng tồn kho	141	V.04	5.287.116.478	767.529.776
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B	Tài sản dài hạn	200		53.811.080.534	40.056.474.372
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		49.721.222.044	30.695.513.282
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	49.721.222.044	30.695.513.282
	- Nguyên giá	222		90.473.121.594	63.504.634.685
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.751.899.550)	(32.809.121.403)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		2.745.454.545	6.383.417.090
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	2.745.454.545	6.383.417.090
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		1.344.403.945	2.977.544.000
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		1.344.403.945	2.977.544.000
	Tổng cộng tài sản	270		131.117.392.717	122.951.315.749

Đơn vị tính: VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		62.136.108.067	63.259.931.770
I	Nợ ngắn hạn	310		62.136.108.067	63.259.931.770
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	17.159.441.464	17.019.281.655
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.391.792.750	6.215.524.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	7.573.708.102	4.982.209.311
4	Phải trả người lao động	314		6.602.642.398	8.645.250.943
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.905.630.909	-
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.09	13.804.402.577	9.598.555.954
7	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.10	5.500.000.000	8.200.000.000
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.198.489.867	8.599.109.907
II	Nợ dài hạn	330		-	-
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		68.981.284.650	59.691.383.979
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.11	68.981.284.650	59.655.573.362
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.599.500.000	26.599.500.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.599.500.000	26.599.500.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		42.041.105.408	30.944.416.761
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		340.679.242	2.111.656.601
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	51.868.282
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		340.679.242	2.059.788.319
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	35.810.617
1	Nguồn kinh phí	431		-	35.810.617
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	Tổng cộng nguồn vốn	440		131.117.392.717	122.951.315.749

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	224.376.374.286	171.788.308.082
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		47.396.000	15.010.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		224.328.978.286	171.773.298.082
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	193.329.342.562	144.667.462.263
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		30.999.635.724	27.105.835.819
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	219.156.036	393.351.786
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	33.920.486	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		33.920.486	-
8. Chi phí bán hàng	24		675.937.554	1.814.218.090
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.488.488.271	6.502.341.849
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+(25+26)}	30		20.020.445.449	19.182.627.666
11. Thu nhập khác	31		-	797.838.550
12. Chi phí khác	32		-	2.262.832.144
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	(1.464.993.594)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.020.445.449	17.717.634.072
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.05	4.404.497.998	4.222.724.565
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15.615.947.451	13.494.909.507
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	5.871	5.763
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	253.406.527.184	182.032.792.610
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(129.732.682.927)	(109.639.735.326)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(70.983.162.172)	(71.368.359.631)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(33.920.486)	-
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(1.722.724.565)	(8.505.856.850)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	734.777.239	626.616.880
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(9.382.196.143)	(6.665.015.429)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.286.618.130	(13.519.557.746)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(24.958.340.909)	(18.739.094.181)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	219.156.036	393.351.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.739.184.873)	(18.345.742.395)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	11.822.000.000
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.630.559.593	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.630.559.593)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.498.227.607)	(2.449.471.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.498.227.607)	9.372.528.825
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	11.049.205.650	(22.492.771.316)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.021.130.380	38.513.901.696
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	27.070.336.030	16.021.130.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường Đô thị Hà Đông thành Công ty cổ phần. Ngày 04 tháng 09 năm 2007 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thay đổi lần thứ 5 ngày 05 tháng 6 năm 2014, mã số doanh nghiệp số 0500332500.

Địa chỉ: số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 26.599.500.000 đồng. (Hai mươi sáu tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng)

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Cổ đông nhà nước	1.109.993	11.099.930.000	41,73 %
2	Cổ đông khác	1.549.957	15.499.570.000	58,27 %
Tổng		2.659.950	26.599.500.000	100%

Ngành nghề kinh doanh :

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải không độc hại: đô thị, công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải độc hại: đô thị, công nghiệp;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: xử lý môi trường làng nghề;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang quân nhân, dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận chuyển vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí công viên;
- Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình (không bao gồm cho thuê lại lao động);

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình vườn hoa, công viên cây xanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;

II. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính của các quý trước, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến đoạn trình bày dưới đây.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp

với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Báo cáo tài chính này như đã trình bày tại Thuyết minh số VII.3.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2015, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý hay bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được ước tính như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập Báo cáo tài chính.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

11. Ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động tài chính

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các năm sau.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 22%.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên cơ sở chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài

chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng

đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.932.815.475	1.070.339.616
Tiền gửi ngân hàng	17.137.520.555	14.950.790.764
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại BIDV	8.000.000.000	-
Cộng	27.070.336.030	16.021.130.380

2 Phải thu của khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	34.193.675.575	54.910.642.528
Ban duy tu các công trình HTKT đô thị	7.238.246.887	4.599.851.748
Cty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị	-	954.206.668
Công ty CP đầu tư Văn Phú – INVEST	378.450.000	217.050.000
Công ty CP IDECONS	313.175.000	313.175.000
Công ty CP Cao su Hà Nội	245.200.000	245.200.000
Bệnh viện K – Cơ sở Tân Triều	708.365.052	297.177.052
Công ty TNHH kinh doanh thương mại dịch vụ Thăng Long	230.000.000	207.000.000
UBND quận Hà Đông	23.726.345.074	46.672.393.000
Đối tượng khác	1.353.893.562	1.404.589.060
Cộng	34.193.675.757	54.910.642.528

3 Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn	3.243.756.176	-	2.106.635.220	-
Tạm ứng	2.649.280.860	-	1.903.384.000	-
Phải thu thuế TNCN	383.003.679	-	135.293.220	-
Phải thu kinh phí công đoàn	47.738.637	-	-	-
Phải thu khác	163.733.000	-	67.958.000	-
	3.243.756.176	-	2.106.635.220	-

4 Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	904.149.746	-	762.025.576	-
Công cụ, dụng cụ	1.114.863.200	-	5.504.200	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.268.103.532	-	-	-
Cộng	5.287.116.478	-	767.529.776	-

5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình (trang 17)

6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí đầu tư xây dựng sản phẩm mới	2.745.454.545	1.801.598.909
Chi phí mua sắm Tài sản cố định	-	4.581.818.181
Cộng	2.745.454.545	6.383.417.090

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	9.694.937.177	1.427.815.200	52.146.152.308	235.730.000	63.504.634.685
- Mua trong năm	14.010.146.001	181.818.182	12.776.522.726	-	26.968.486.909
- Nhà nước giao quản lý sử dụng	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-
- Giảm khác (**)	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	23.705.083.178	1.609.633.382	64.922.675.034	235.730.000	90.473.121.594
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					-
Số dư đầu năm	1.258.141.958	775.519.039	30.624.539.816	150.920.590	32.809.121.403
- Khấu hao trong năm	468.522.225	214.676.473	7.226.612.785	32.966.664	7.942.778.147
Số dư cuối năm	1.726.664.183	990.195.512	37.851.152.601	183.887.254	40.751.899.550
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI					-
1. Tại ngày đầu năm	8.436.795.219	652.296.161	21.521.612.492	84.809.410	30.695.513.282
2. Tại ngày cuối năm	21.978.418.995	619.437.870	27.071.522.433	51.842.746	49.721.222.044

7 Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	17.159.441.464	17.159.441.464	17.019.281.655	17.019.281.655
Công ty Điện lực Hà Đông	662.041.398	662.041.398	-	-
Đặng Thị Hường	753.952.500	753.952.500	-	-
Hà Thị Lý	456.900.000	456.900.000	1.388.035.000	1.388.035.000
Công ty TNHH Trường Kỳ	1.696.573.848	1.696.573.848	1.153.001.665	1.153.001.665
Công ty TNHH MTV Hợp Việt Nhật	1.201.860.000	1.201.860.000	1.304.915.200	1.304.915.200
Công ty TNHH đầu tư và dịch vụ đô thị Phú Thành	5.085.204.136	5.085.204.136	5.835.801.995	5.835.801.995
Tổng công ty cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV Samco	-	-	2.498.250.000	2.498.250.000
Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại T.T.C.I	1.906.727.240	1.906.727.240	843.485.200	843.485.200
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Hồng Tâm	-	-	980.236.000	980.236.000
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Anh Hải	705.328.998	705.328.998	-	-
Lê Huân Luyện	709.544.440	709.544.440	-	-
Nguyễn Tiến Thắng	1.397.096.050	1.397.096.050	31.655.000	31.655.000
Đối tượng khác	2.584.212.854	2.584.212.854	2.983.901.595	2.983.901.595
Cộng	17.159.441.464	17.159.441.464	17.019.281.655	17.019.281.655

8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	3.180.018.821	3.718.035.857	4.717.754.505	2.180.300.173
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.722.724.565	4.622.474.751	1.722.724.565	4.622.474.751
- Thuế thu nhập cá nhân	79.465.925	691.467.253	-	770.933.178
- Các loại thuế khác	-	141.818	-	141.818
	4.982.209.311	9.031.977.861	6.440.479.070	7.573.708.102

9 Phải trả khác

	Cuối năm	Đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>13.804.402.577</i>	<i>9.598.555.954</i>
Kinh phí công đoàn	-	24.735.196
Bảo hiểm xã hội	353.800.128	-
Bảo hiểm y tế	113.524.775	-
Bảo hiểm thất nghiệp	50.292.318	-
Phải trả công nhân DVVSMT (điều chỉnh 2014)	-	1.724.007.700
Cổ tức phải trả	11.710.988.322	7.452.366.229
Phải trả các đội môi trường	1.030.498.700	277.424.548
Chi phí GPMB đường Ngô Thị Nhậm	88.294.075	88.294.075
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	457.004.259	31.728.206
Cộng	<u>13.804.402.577</u>	<u>9.598.555.954</u>

10 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng chi phí tiền lương phải trả	5.500.000.000	8.200.000.000
Cộng	<u>5.500.000.000</u>	<u>8.200.000.000</u>

11. Vốn chủ sở hữu

11.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5	6
- Số dư đầu năm trước	14.777.500.000	21.369.721.057	1.477.750.000	2.544.186.101	40.169.157.158
- Tăng vốn trong năm trước	11.822.000.000	-	-		11.822.000.000
- Lãi tăng trong năm trước	-	-	-	13.494.909.507	13.494.909.507
- Trích lập các quỹ	-	8.096.945.704	-	(10.834.959.507)	(2.738.013.803)
- Chi trả cổ tức trong năm	-	-	-	(3.092.479.500)	(3.092.479.500)
- Số dư cuối năm trước	26.599.500.000	29.466.666.761	1.477.750.000	2.111.656.601	59.655.573.362
- Số dư đầu năm nay	26.599.500.000	30.944.416.761	-	2.111.656.601	59.655.573.362
- Lãi tăng trong năm nay	-	-	-	15.615.947.451	15.615.947.451
- Trích lập các quỹ	-	11.060.878.030	-	(14.315.791.741)	(3.254.913.711)
- Cổ tức trong năm	-	-	-	(3.830.328.000)	(3.830.328.000)
- Tăng khác	-	35.810.617	-	775.682.966	811.493.583
- Giảm khác	-	-	-	(16.488.035)	(16.488.035)
Số dư cuối năm nay	26.599.500.000	42.041.105.408	-	340.679.242	68.981.284.650

11.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Vốn góp của các Cổ đông	26.599.500.000	26.599.500.000
Cổ đông nhà nước	11.099.930.000	11.099.930.000
Cổ đông khác	15.499.570.000	15.499.570.000
Cộng	26.599.500.000	26.599.500.000

11.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn góp của chủ sở hữu	26.599.500.000	39.699.468.802
+ Vốn góp đầu năm	26.599.500.000	39.699.468.802
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	26.599.500.000	39.699.468.802
Cộng	26.599.500.000	26.599.500.000

11.4. Cổ phiếu

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	2.659.950	2.659.950
+ Cổ phiếu phổ thông	2.659.950	2.659.950
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.659.950	2.659.950
+ Cổ phiếu phổ thông	2.659.950	2.659.950
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cộng	2.659.950	2.659.950

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

11.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Quỹ đầu tư phát triển	42.041.105.408	30.944.416.761

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	224.376.374.286	171.788.308.082
Cộng	224.376.374.286	171.788.308.082

2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	193.329.342.562	144.667.462.263
Cộng	193.329.342.562	144.667.462.263

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	219.156.036	393.351.786
Cộng	219.156.036	393.351.786

4 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	33.920.486	-
Cộng	33.920.486	-

5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.020.445.449	17.717.634.072
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	1.476.568.497
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	20.020.445.449	19.194.202.569
Thuế TNDN phải nộp - 22%	4.404.497.998	4.222.724.565
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (22%)	4.404.497.998	4.222.724.565

6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty	15.615.947.451	13.494.909.507
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	2.659.950	2.341.728
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.871	5.763

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ kế toán Doanh thu của Công ty chủ yếu Cung cấp dịch vụ trong cùng một khu vực địa lý nên Công ty không trình bày Thuyết minh “Báo cáo bộ phận” do Công ty nhận định điều này phù hợp với công ty và không ảnh hưởng trọng yếu đến việc cung cấp thông tin cho người sử dụng báo cáo.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

3. Phân loại lại số liệu tương ứng

Số dư đầu năm của một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Chỉ tiêu theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Số tiền
Tài sản ngắn hạn khác	Các khoản phải thu khác	1.903.384.000
Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	1.477.750.000

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯU THỊ HỒNG TƯỜNG

LÊ THỊ BÍCH HỒNG

PHẠM TRUNG THÀNH